TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - H** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 24/2025/DS-ST
Ngày 27-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tuyết M.

2. Ông Tô Đình P.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Đặng Tiến A** – Sinh ngày: 13/11/1958; nơi cư trú: Số nhà 120 E, khu F, thị trấn Q, huyện G, tỉnh W (cũ) (nay là: Số nhà 120 E, thôn F, xã G, tỉnh H) (có mặt).

CCCD số: 052058007172; ngày cấp: 25/3/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- *Bị đơn*:

1. Ông **Trần Kỳ B** – Sinh ngày: 10/8/1968 (vắng mặt lần thứ hai).

CCCD số: 052068000781.

2. Bà **Nguyễn Thị C** – Sinh ngày: 20/10/1969 (vắng mặt lần thứ hai).

CCCD số: 052169004590.

Đồng cư trú: Khu F, thị trấn Q, huyện G, tỉnh W (cũ) (nay là: Thôn F, xã G, tỉnh H).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị Bích D – Sinh ngày: 15/4/1960; nơi cư trú: Số nhà 120 E, khu F, thị trấn Q, huyện G, tỉnh W (cũ) (nay là: Số nhà 120 E, thôn F, xã G, tỉnh H).

CCCD số: 052160009544; ngày cấp: 25/3/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Phạm Thị Bích D: Ông Đặng Tiến A – Sinh ngày: 13/11/1958; nơi cư trú: Số nhà 120 E, khu F, thị trấn Q, huyện G, tỉnh W (cũ) (nay là: Số nhà 120 E, thôn F, xã G, tỉnh H) (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/9/2025) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2025 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Đặng Tiến A trình bày:

Vì là chỗ quen biết với nhau ngày 13/7/2020 vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C có mượn ông A số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 13/10/2020 vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C mượn tiếp của ông 20.000.000 đồng, tổng cộng vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C mượn của ông Đặng Tiến A 50.000.000 đồng. Khi mượn các bên thoả thuận với nhau khi nào ông A cần chỉ báo trước 05 (năm) ngày cho ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C thì vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả.

Sau khi ông Đặng Tiến A yêu cầu vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả thì vợ chồng ông B, bà C cứ hẹn nhưng không trả. Nay ông yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả dứt điểm số nợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho ông và vợ ông là bà Phạm Thị Bích D và ông không yêu cầu lãi.

2. Đối với bị đơn ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cũng như các thông báo hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Kỳ B, bà Nguyễn Thị C cố tình lẩn tránh từ chối khai báo.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích D trình bày: Ông Đặng Tiến A thống nhất như yêu cầu của ông và

yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả dứt điểm một lần hết số nợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho vợ chồng ông Đặng Tiến A và bà Phạm Thị Bích D và ông không yêu cầu lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và nguyên đơn không yêu cầu lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông B và bà C vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền nợ, do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W (cũ) (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 - H) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và áp dụng pháp luật:

Ông Đặng Tiến A và ông Trần Kỳ B, bà Nguyễn Thị C có quan hệ xóm giềng với nhau nên ngày 13 tháng 7 năm 2020, ông Đặng Tiến A có cho ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C mượn với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hai bên có viết giấy mượn tiền ghi ngày 13 tháng 7 năm 2020 dưới cùng có chữ ký B, Trần Kỳ B và vợ Nguyễn Thị C và ngày 13 tháng 10 năm 2020 ông Đặng Tiến A cho ông Trần Kỳ B, bà Nguyễn Thị C mượn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) dưới cùng có chữ ký Nguyễn Thị C, chồng, vợ, Trần Kỳ B; cả hai giấy mượn tiền trên đều có chữ ký của ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C, các bên thoả thuận khi nào ông Đặng Tiến A cần chỉ báo trước 05 (năm) ngày cho ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C thì ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả cho ông Đặng Tiến A hết số nợ trên, tổng hai lần mượn là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Khi ông Đặng Tiến A cần thì yêu cầu ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả nhưng ông B và bà C cứ hẹn không trả. Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phiên toà hôm nay ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C cố tình lẩn tránh, từ chối khai báo nên không biết được nguyện vọng của ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C có ý kiến gì về số nợ trên. Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập sau ngày 13 tháng 7 năm 2020 và ngày 13 tháng 10 năm 2020 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về thời gian vay và số tiền vay:

Ông Đặng Tiến A cho vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C mượn tổng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), cụ thể: Ngày 13/7/2020, ông Đặng Tiến A cho vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C mượn số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); ngày 13/10/2020, ông Đặng Tiến A cho vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C mượn số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả dứt điểm số nợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho ông và vợ ông là bà Phạm Thị Bích D và ông không yêu cầu lãi.

Từ đó có cơ sở xác định vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C có mượn ông Đặng Tiến A tổng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo các Giấy mượn tiền ngày 13/7/2020 và 13/10/2020, khi mượn các bên thoả thuận với nhau khi nào ông A cần chỉ báo trước 05 (năm) ngày cho ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C thì vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả nhưng khi ông A cần, ông A đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C trả thì vợ chồng ông B, bà C cứ hẹn nhưng không trả. Ông B, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Tiến A, cần buộc ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả dứt điểm số nợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho ông Đặng Tiến A và bà Phạm Thị Bích D.

[5] Về tiền lãi:

Ông Đặng Tiến A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - H phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tiến A về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Đặng Tiến A và bà Phạm Thị Bích D số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Kỳ B và bà Nguyễn Thị C phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Đặng Tiến A 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí khởi kiện ông Đặng Tiến A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005361 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - H).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh H;
- VKSND khu vực 3 - H;
- Phòng THADS khu vực 3 - H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đ